

Bản án số: 01/2018/HS-PT
Ngày 04 - 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Hằng**.

Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Ông Lê Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 139/2017/HSPT ngày 05/12/2017 đối với bị cáo **Nguyễn Duy Kh** do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Duy Kh, sinh năm 1987 tại Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp Lý Q, xã Phú Đ, huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không, Tiền án: 01 lần. Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 20/7/2012 (bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách ngày 06/5/2016); Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2017, tạm giam từ ngày 09/6/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, anh Phan Thanh H cùng với chị Hồ Thị T và Nguyễn Duy Kh có thỏa thuận hùn mua bán tôm trên địa bàn huyện Tân Phú Đ (anh H, chị T hùn vốn, Kh hùn công đi mua và bán tôm) lãi, lỗ chia làm 03 phần bằng nhau. Ngày 28/02/2016, Kh trực tiếp đến đầm của anh Nguyễn Thành Ng mua được 2.693 kg tôm sú. Sau đó, Kh cùng anh Nguyễn Văn Duy A (anh ruột của Kh), Huỳnh Trung K là 02 người làm thuê cho anh H chở toàn bộ số tôm đến Công ty Ba Miền bán được 2.133,3 kg tôm với số tiền là 708.256.000 đồng. Công ty trả trước tiền mặt số tiền 408.256.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng công ty sẽ chuyển vào tài khoản của Kh sau. Số tôm còn lại Công ty Ba Miền không thu mua nên anh An, K đem ra chợ đầu mối Bình Điền bán được số tiền 101.700.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ ngày 29/02/2016, Kh cùng các anh An, K về đến nhà anh H. Tại đây, Kh đưa cho anh H tổng số tiền 509.700.000 đồng và nói bồi dưỡng cho kế toán công ty số tiền 256.000 đồng, số tiền còn lại 300.000.000 đồng công ty sẽ chuyển vào tài khoản của Kh sau. Anh H thanh toán đầy đủ tiền vốn và lãi cho chị T, chưa thanh toán tiền chi phí hoa hồng và tiền lãi cho Kh với tổng số tiền 14.300.000 đồng. Vào 00 giờ 09 phút 52 giây ngày 29/02/2016 công ty chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Kh. Lúc 10 giờ 53 phút 40 giây ngày 29/02/2016, Kh rút toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng và nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên của anh H sử dụng vào mục đích cá nhân nên không đem tiền về giao cho anh H mà bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày không thấy Kh về đưa tiền nên anh H đến nhà tìm Kh nhưng người nhà cho biết Kh đã đi đâu không rõ, nhiều lần anh H điện thoại cho Kh nhưng không liên lạc được. Sau đó, anh H đến Công an xã Phú Đ trình báo sự việc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy Kh** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51 của Bộ Luật Hình sự 1999; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Kh **06 (sáu) năm** tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, buộc bị cáo Kh phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm 06 tháng tù, được trừ đi 07 tháng 07 ngày tạm giam trước đó từ ngày 14/7/2011 đến ngày 21/02/2012; thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

*Ngày 08/11/2017, bị cáo **Nguyễn Duy Kh** có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy Kh đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như án sơ thẩm đã xét xử bị cáo, tuy nhiên với mức hình phạt mà tòa cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là quá nặng nên bị cáo kháng cáo xin tòa cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo về phần hình phạt. Do vậy, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tranh luận cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo Kh là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách, điều này cho thấy bị cáo không chịu sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội. Lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Kh về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ đúng người, đúng tội. Khi quyết định mức hình phạt tòa cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất mức độ phạm tội của bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để đưa ra một mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Với mức hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang

Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy Kh thừa nhận vào năm 2016, anh Phan Thanh H và chị Hồ Thị T có hùn vốn với nhau để mua bán tôm sú, bị cáo đi mua bán tôm cho anh H và chị T, anh H và chị T sẽ trả hoa hồng và tiền công cho bị cáo. Trong quá trình mua bán anh H và chị T giao cho bị cáo là người đứng ra trực tiếp mua bán. Ngày 28/02/2016, bị cáo có bán cho Công ty Ba Miền 2.133,3kg tôm sú với số tiền là 708.256.000 đồng, Công ty trả trước bằng tiền mặt là 408.265.000 đồng, Công ty còn nợ lại 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), Công ty hẹn sẽ chuyển trả số nợ này vào tài khoản của bị cáo. Đến 00 giờ 09 phút 52 giây ngày 29/02/2016 Công ty Ba Miền chuyển trả cho anh Phan Thanh H 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền mua bán tôm sú mà phía Công ty Ba Miền còn nợ lại anh H, Công ty đã chuyển số tiền này vào tài khoản của bị cáo Kh, lúc 10 giờ 53 phút 40 giây bị cáo Kh đã rút toàn bộ số tiền này, sau khi đã rút được số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thì bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên bị cáo không giao trả lại cho anh H và sau đó bị cáo bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đối với số tiền hùn vốn của chị T thì phía anh H đã

hoàn trả xong cả vốn và lãi cho chị T khi bị cáo đem số tiền mặt được trả trước về giao lại cho anh H, cho nên số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mà bị cáo chiếm đoạt là tiền của anh H. Như vậy lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nghiêm khắc, nhưng chỉ vì mục đích tham lam tư lợi mà bị cáo vẫn cố tình chiếm đoạt tài sản của anh H, sau khi chiếm đoạt được tài sản của anh H bị cáo lại bỏ trốn. Ngày 20/7/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” cho hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm 09 tháng 16 ngày tính từ ngày tuyên án (theo bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 20/7/2012), như vậy phải đến ngày 06/05/2016 mới hết thời gian thử thách nhưng ngày 29/02/2016 thì bị cáo lại phạm tội vậy là bị cáo đã phạm tội trong thời gian thử thách, điều này cho thấy bị cáo không chịu cải tạo sửa chữa lỗi lầm mà ngày càng lao sâu vào con đường phạm tội với tính chất mức độ cao hơn, nguy hiểm hơn, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm đây là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 20/7/2012). Song xét thấy điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm;

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.”

Tuy nhiên theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định;

“3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.”

Như vậy hình phạt theo Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 nặng hơn so với hình phạt được quy tại Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, vì vậy cần áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để xem xét khi quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Do vậy án sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 để xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để đưa ra mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm. Như vậy với mức hình phạt nêu trên mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Duy Kh** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51 của Bộ Luật Hình sự 1999; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy Kh** **06 (sáu) năm** tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2012/HSST ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đ, buộc bị cáo Kh phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm 06 tháng tù, được trừ đi 07 tháng 07 ngày tạm giam trước đó từ ngày 14/7/2011 đến ngày 21/02/2012; thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2017.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao (tại Tp.HCM);
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện Tân Phú Đ;
- VKSND huyện Tân Phú Đ;
- Công an huyện Tân Phú Đ;
- THADS huyện Tân Phú Đ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Thu Hằng